

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025			
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ	
						Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	244,878	235,086	383,636	333,987	156.66%	142.07%
I	Thu nội địa	15,785	5,993	62,996	13,347	399.09%	222.71%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			524			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			26			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3,000	2,400	18,333	3,432	611.10%	143.00%
5	Thuế thu nhập cá nhân	1,759	1,407	8,928	5,059	507.56%	359.56%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	490	490	6,342	1,690	1294.29%	344.90%
8	Thu phí, lệ phí	177	177	310	245	175.14%	138.42%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	979	979	1,247	1,045	127.37%	106.74%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			961			
12	Thu tiền sử dụng đất	8,840		25,040	1,095	283.26%	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	240	240	884	380	368.33%	158.33%
17	Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích và đất công	300	300	401	401	133.67%	133.67%
II	Thu viện trợ						

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025			
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ	
						Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			25,285	25,285		
IV	Thu kết dư năm trước chuyển sang			73	73		
V	Các khoản thu huy động theo quy định của pháp luật			4	4		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229,093	229,093	295,278	295,278	128.89%	128.89%
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	226,593	226,593	223,256	223,256	98.53%	98.53%
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2,500	2,500	72,022	72,022	2880.88%	2880.88%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025			
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ	
						Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	244,878	235,086	383,636	333,987	156.66%	142.07%
I	Thu nội địa	15,785	5,993	62,996	13,347	399.09%	222.71%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			524			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			26			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3,000	2,400	18,333	3,432	611.10%	143.00%
5	Thuế thu nhập cá nhân	1,759	1,407	8,928	5,059	507.56%	359.56%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	490	490	6,342	1,690	1294.29%	344.90%
8	Thu phí, lệ phí	177	177	310	245	175.14%	138.42%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	979	979	1,247	1,045	127.37%	106.74%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			961			
12	Thu tiền sử dụng đất	8,840		25,040	1,095	283.26%	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	240	240	884	380	368.33%	158.33%
17	Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích và đất công	300	300	401	401	133.67%	133.67%
II	Thu viện trợ						

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025			
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ	
						Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			25,285	25,285		
IV	Thu kết dư năm trước chuyển sang			73	73		
V	Các khoản thu huy động theo quy định của pháp luật			4	4		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229,093	229,093	295,278	295,278	128.89%	128.89%
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	226,593	226,593	223,256	223,256	98.53%	98.53%
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2,500	2,500	72,022	72,022	2880.88%	2880.88%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025			
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ	
						Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	244,878	235,086	383,636	333,987	156.66%	142.07%
I	Thu nội địa	15,785	5,993	62,996	13,347	399.09%	222.71%
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			524			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			26			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3,000	2,400	18,333	3,432	611.10%	143.00%
5	Thuế thu nhập cá nhân	1,759	1,407	8,928	5,059	507.56%	359.56%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	490	490	6,342	1,690	1294.29%	344.90%
8	Thu phí, lệ phí	177	177	310	245	175.14%	138.42%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	979	979	1,247	1,045	127.37%	106.74%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			961			
12	Thu tiền sử dụng đất	8,840		25,040	1,095	283.26%	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	240	240	884	380	368.33%	158.33%
17	Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích và đất công	300	300	401	401	133.67%	133.67%
II	Thu viện trợ						

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025			
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ	
						Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			25,285	25,285		
IV	Thu kết dư năm trước chuyển sang			73	73		
V	Các khoản thu huy động theo quy định của pháp luật			4	4		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229,093	229,093	295,278	295,278	128.89%	128.89%
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	226,593	226,593	223,256	223,256	98.53%	98.53%
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2,500	2,500	72,022	72,022	2880.88%	2880.88%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025				
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ		
						Thu NSNN	Thu NSX	
A	B	1	2	3	4	5	6	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	244,878	235,086	383,636	333,987	156.66%	142.07%	156.7%
I	Thu nội địa	15,785	5,993	62,996	13,347	399.09%	222.71%	#REF!
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý			524				
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý							
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			26				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3,000	2,400	18,333	3,432	611.10%	143.00%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	1,759	1,407	8,928	5,059	507.56%	359.56%	
6	Thuế bảo vệ môi trường							
7	Lệ phí trước bạ	490	490	6,342	1,690	1294.29%	344.90%	
8	Thu phí, lệ phí	177	177	310	245	175.14%	138.42%	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	979	979	1,247	1,045	127.37%	106.74%	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			961				
12	Thu tiền sử dụng đất	8,840		25,040	1,095	283.26%		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)							
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
16	Thu khác ngân sách	240	240	884	380	368.33%	158.33%	
17	Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích và đất công	300	300	401	401	133.67%	133.67%	
II	Thu viện trợ							

Số TT	Nội dung khoản thu	Dự toán năm 2025		Ước thu NSNN 6 tháng đầu năm 2025			
		Thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tỷ lệ	
						Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5	6
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			25,285	25,285		
IV	Thu kết dư năm trước chuyển sang			73	73		
V	Các khoản thu huy động theo quy định của pháp luật			4	4		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229,093	229,093	295,278	295,278	128.89%	128.89%
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	226,593	226,593	223,256	223,256	98.53%	98.53%
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2,500	2,500	72,022	72,022	2880.88%	2880.88%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND giao năm 2025	Ước thực hiện 11 tháng đầu năm 2025	So sánh
1	2	4	5	7=5/4
TỔNG CỘNG		<u>235,086</u>	<u>330,584</u>	<u>140.6%</u>
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	2,500	69,522	2780.9%
	Chi đầu tư cho các dự án	2,500	69,522	2780.9%
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	227,975	256,451	112.5%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	10,452	7,267	69.5%
1.1	Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	2,804	1,554	55.4%
1.2	Sự nghiệp giao thông	340	230	67.6%
1.3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường	2,427	1,613	66.5%
2	Chi sự nghiệp y tế	226	9	4.0%
3	Chi sự nghiệp phát thanh	878	467	53.2%
4	Chi sự nghiệp Văn hoá -Thể thao	2,516	4,077	162.0%
5	Chi đảm bảo xã hội	32,744	52,241	159.5%
6	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	114,125	105,134	92.1%
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	63,381	83,345	131.5%
8	Chi Quốc phòng	1,000	1,710	171.0%
9	Chi An ninh	2,129	1,677	78.8%
10	Chi khác	524	524	100.0%
III	Chi dự phòng ngân sách	4,611	4,611	100.0%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND giao năm 2025	Ước thực hiện 11 tháng đầu năm 2025	So sánh
1	2	4	5	7=5/4
TỔNG CỘNG		<u>235,086</u>	<u>330,584</u>	<u>140.6%</u>
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	2,500	69,522	2780.9%
	Chi đầu tư cho các dự án	2,500	69,522	2780.9%
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	227,975	256,451	112.5%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	10,452	7,267	69.5%
1.1	Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	2,804	1,554	55.4%
1.2	Sự nghiệp giao thông	340	230	67.6%
1.3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường	2,427	1,613	66.5%
2	Chi sự nghiệp y tế	226	9	4.0%
3	Chi sự nghiệp phát thanh	878	467	53.2%
4	Chi sự nghiệp Văn hoá -Thể thao	2,516	4,077	162.0%
5	Chi đảm bảo xã hội	32,744	52,241	159.5%
6	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	114,125	105,134	92.1%
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	63,381	83,345	131.5%
8	Chi Quốc phòng	1,000	1,710	171.0%
9	Chi An ninh	2,129	1,677	78.8%
10	Chi khác	524	524	100.0%
III	Chi dự phòng ngân sách	4,611	4,611	100.0%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND giao năm 2025	Ước thực hiện 11 tháng đầu năm 2025	So sánh
1	2	4	5	7=5/4
TỔNG CỘNG		235,086	330,584	140.6%
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	2,500	69,522	2780.9%
	Chi đầu tư cho các dự án	2,500	69,522	2780.9%
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	227,975	256,451	112.5%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	10,452	7,267	69.5%
1.1	Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	2,804	1,554	55.4%
1.2	Sự nghiệp giao thông	340	230	67.6%
1.3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường	2,427	1,613	66.5%
2	Chi sự nghiệp y tế	226	9	4.0%
3	Chi sự nghiệp phát thanh	878	467	53.2%
4	Chi sự nghiệp Văn hoá -Thể thao	2,516	4,077	162.0%
5	Chi đảm bảo xã hội	32,744	52,241	159.5%
6	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	114,125	105,134	92.1%
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	63,381	83,345	131.5%
8	Chi Quốc phòng	1,000	1,710	171.0%
9	Chi An ninh	2,129	1,677	78.8%
10	Chi khác	524	524	100.0%
III	Chi dự phòng ngân sách	4,611	4,611	100.0%

#REF!

-2,315

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND giao năm 2025	Ước thực hiện 11 tháng đầu năm 2025	So sánh
1	2	4	5	7=5/4
TỔNG CỘNG		<u>235,086</u>	<u>330,584</u>	<u>140.6%</u>
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	2,500	69,522	2780.9%
	Chi đầu tư cho các dự án	2,500	69,522	2780.9%
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	227,975	256,451	112.5%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	10,452	7,267	69.5%
1.1	Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	2,804	1,554	55.4%
1.2	Sự nghiệp giao thông	340	230	67.6%
1.3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường	2,427	1,613	66.5%
2	Chi sự nghiệp y tế	226	9	4.0%
3	Chi sự nghiệp phát thanh	878	467	53.2%
4	Chi sự nghiệp Văn hoá -Thể thao	2,516	4,077	162.0%
5	Chi đảm bảo xã hội	32,744	52,241	159.5%
6	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	114,125	105,134	92.1%
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	63,381	83,345	131.5%
8	Chi Quốc phòng	1,000	1,710	171.0%
9	Chi An ninh	2,129	1,677	78.8%
10	Chi khác	524	524	100.0%
III	Chi dự phòng ngân sách	4,611	4,611	100.0%

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 11 THÁNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND giao năm 2025	Ước thực hiện 11 tháng đầu năm 2025	So sánh
1	2	4	5	7=5/4
TỔNG CỘNG		<u>235,086</u>	<u>330,584</u>	<u>140.6%</u>
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	2,500	69,522	2780.9%
	Chi đầu tư cho các dự án	2,500	69,522	2780.9%
II	CHI THƯỜNG XUYỀN	227,975	256,451	112.5%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	10,452	7,267	69.5%
1.1	Sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	2,804	1,554	55.4%
1.2	Sự nghiệp giao thông	340	230	67.6%
1.3	Sự nghiệp kinh tế, kiến thiết thị chính, môi trường	2,427	1,613	66.5%
2	Chi sự nghiệp y tế	226	9	4.0%
3	Chi sự nghiệp phát thanh	878	467	53.2%
4	Chi sự nghiệp Văn hoá -Thể thao	2,516	4,077	162.0%
5	Chi đảm bảo xã hội	32,744	52,241	159.5%
6	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	114,125	105,134	92.1%
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	63,381	83,345	131.5%
8	Chi Quốc phòng	1,000	1,710	171.0%
9	Chi An ninh	2,129	1,677	78.8%
10	Chi khác	524	524	100.0%
III	Chi dự phòng ngân sách	4,611	4,611	100.0%

-11,992
-7,381